

Bảng Giá 2011







ĐÈN BÁO PHẪNG	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		NGUỒN CẤP	
ĐÈN LED: KHÔNG CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-1EQM3 (R, Y, W, A)	220V AC/DC	51.000
	YW1P-1EQM3G	220V AC/DC	57.000
	YW1P-1EQM3 (S, PW)	220V AC/DC	61.000
	YW1P-1EQ4 (R, Y, W, A)	24V AC/DC	51.000
	YW1P-1EQ4G	24V AC/DC	57.000
	YW1P-1EQ4 (S, PW)	24V AC/DC	61.000
	YW1P-1EQH (R, Y, W, A)	110V AC/DC	53.000
	YW1P-1EQH (G, S, PW)	110V AC/DC	61.000
	YW1P-1EQ3 (R, Y, W, A)	12V AC/DC	53.000
	YW1P-1EQ3 (G, S, PW)	12V AC/DC	61.000
	YW1P-1EQ2 (R, Y, W, A)	6V AC/DC	53.000
	YW1P-1EQ2 (G, S, PW)	6V AC/DC	61.000
ĐÈN LED: LOẠI UNIBODY, KHÔNG CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-1UQM3 (R, Y, W, A)	220V AC	47.000
	YW1P-1UQM3G	220V AC	51.000
	YW1P-1UQM3 (S, PW)	220V AC	60.000
	YW1P-1UQ4 (R, Y, W, A)	24V AC/DC	47.000
	YW1P-1UQ4G	24V AC/DC	51.000
	YW1P-1UQ4 (S, PW)	24V AC/DC	60.000
	YW1P-1UQH (R, Y, W, A)	110V AC	47.000
	YW1P-1UQH (G, S, PW)	110V AC	60.000
	YW1P-1UQ3 (R, Y, W, A)	12V AC/DC	47.000
	YW1P-1UQ3 (G, S, PW)	12V AC/DC	60.000
	YW1P-1UQ2 (R, Y, W, A)	6V AC/DC	47.000
	YW1P-1UQ2 (G, S, PW)	6V AC/DC	60.000
ĐÈN NEON: KHÔNG CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-1EQ7 (G, R, Y, W, A, S)	24V AC/DC	44.000
	YW1P-1EQ6 (G, R, Y, W, A, S)	12V AC/DC	44.000
	YW1P-1EQ5 (G, R, Y, W, A, S)	6V AC/DC	44.000
ĐÈN LED: CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-1EM42 (R, Y, W, A)	220V AC	84.000
	YW1P-1EM42 (G, S, PW)	220V AC	96.000
	YW1P-1EH2 (R, Y, W, A)	110V AC	84.000
	YW1P-1EH2 (G, S, PW)	110V AC	96.000
ĐÈN NEON: CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-1EM45 (G, R, Y, W, A, S)	220V AC	78.000
	YW1P-1EH5 (G, R, Y, W, A, S)	110V AC	78.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

ĐÈN BÁO VÒNG	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		NGUỒN CẤP	
ĐÈN LED: KHÔNG CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-2EQM3 (R, Y, W, A)	220V AC/DC	51.000
	YW1P-2EQM3G	220V AC/DC	57.000
	YW1P-2EQM3 (S, PW)	220V AC/DC	61.000
	YW1P-2EQ4 (R, Y, W, A)	24V AC/DC	51.000
	YW1P-2EQ4G	24V AC/DC	57.000
	YW1P-2EQ4 (S, PW)	24V AC/DC	61.000
	YW1P-2EQH (R, Y, W, A)	110V AC/DC	53.000
	YW1P-2EQH (G, S, PW)	110V AC/DC	61.000
	YW1P-2EQ3 (R, Y, W, A)	12V AC/DC	53.000
	YW1P-2EQ3 (G, S, PW)	12V AC/DC	61.000
	YW1P-2EQ2 (R, Y, W, A)	6V AC/DC	53.000
	YW1P-2EQ2 (G, S, PW)	6V AC/DC	61.000
ĐÈN LED: LOẠI UNIBODY, KHÔNG CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-2UQM3 (R, Y, W, A)	220V AC	47.000
	YW1P-2UQM3G	220V AC	51.000
	YW1P-2UQM3 (S, PW)	220V AC	60.000
	YW1P-2UQ4 (R, Y, W, A)	24V AC/DC	47.000
	YW1P-2UQ4G	24V AC/DC	51.000
	YW1P-2UQ4 (S, PW)	24V AC/DC	60.000
	YW1P-2UQH (R, Y, W, A)	110V AC	47.000
	YW1P-2UQH (G, S, PW)	110V AC	60.000
	YW1P-2UQ3 (R, Y, W, A)	12V AC/DC	47.000
	YW1P-2UQ3 (G, S, PW)	12V AC/DC	60.000
	YW1P-2UQ2 (R, Y, W, A)	6V AC/DC	47.000
	YW1P-2UQ2 (G, S, PW)	6V AC/DC	60.000
ĐÈN NEON: KHÔNG CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-2EQ7 (G, R, Y, W, A, S)	24V AC/DC	44.000
	YW1P-2EQ6 (G, R, Y, W, A, S)	12V AC/DC	44.000
	YW1P-2EQ5 (G, R, Y, W, A, S)	6V AC/DC	44.000
ĐÈN LED: CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-2EM42 (R, Y, W, A)	220V AC	84.000
	YW1P-2EM42 (G, S, PW)	220V AC	96.000
	YW1P-2EH2 (R, Y, W, A)	110V AC	84.000
	YW1P-2EH2 (G, S, PW)	110V AC	96.000
ĐÈN NEON: CÓ BIẾN THỂ			
	YW1P-2EM45 (G, R, Y, W, A, S)	220V AC	78.000
	YW1P-2EH5 (G, R, Y, W, A, S)	110V AC	78.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hở phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

NÚT NHẤN	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		TIẾP ĐIỂM	NGUỒN CẤP		
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LOẠI LỖI, NHẤN NHẢ					
	YW1L-M2E01QM3 (R, Y, A, W)	1NC	220V AC/DC	103.000	
	YW1L-M2E01QM3G	1NC	220V AC/DC	126.000	
	YW1L-M2E01QM3 (S, PW)	1NC	220V AC/DC	132.000	
	YW1L-M2E10QM3 (R, Y, A, W)	1NO	220V AC/DC	103.000	
	YW1L-M2E10QM3G	1NO	220V AC/DC	126.000	
	YW1L-M2E10QM3 (S, PW)	1NO	220V AC/DC	132.000	
	YW1L-M2E02QM3 (R, Y, A, W)	2NC	220V AC/DC	130.000	
	YW1L-M2E02QM3G	2NC	220V AC/DC	153.000	
	YW1L-M2E02QM3 (S, PW)	2NC	220V AC/DC	159.000	
	YW1L-M2E20QM3 (R, Y, A, W)	2NO	220V AC/DC	130.000	
	YW1L-M2E20QM3G	2NO	220V AC/DC	153.000	
	YW1L-M2E20QM3 (S, PW)	2NO	220V AC/DC	159.000	
	YW1L-M2E11QM3 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	220V AC/DC	130.000	
	YW1L-M2E11QM3G	1NC-1NO	220V AC/DC	153.000	
	YW1L-M2E11QM3 (S, PW)	1NC-1NO	220V AC/DC	159.000	
	YW1L-M2E01Q4 (R, Y, A, W)	1NC	24V AC/DC	103.000	
	YW1L-M2E01Q4G	1NC	24V AC/DC	126.000	
	YW1L-M2E01Q4 (S, PW)	1NC	24V AC/DC	132.000	
	YW1L-M2E10Q4 (R, Y, A, W)	1NO	24V AC/DC	103.000	
	YW1L-M2E10Q4G	1NO	24V AC/DC	126.000	
	YW1L-M2E10Q4 (S, PW)	1NO	24V AC/DC	132.000	
	YW1L-M2E02Q4 (R, Y, A, W)	2NC	24V AC/DC	130.000	
	YW1L-M2E02Q4G	2NC	24V AC/DC	153.000	
	YW1L-M2E02Q4 (S, PW)	2NC	24V AC/DC	159.000	
	YW1L-M2E20Q4 (R, Y, A, W)	2NO	24V AC/DC	130.000	
	YW1L-M2E20Q4G	2NO	24V AC/DC	153.000	
	YW1L-M2E20Q4 (S, PW)	2NO	24V AC/DC	159.000	
	YW1L-M2E11Q4 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	24V AC/DC	130.000	
	YW1L-M2E11Q4G	1NC-1NO	24V AC/DC	153.000	
	YW1L-M2E11Q4 (S, PW)	1NC-1NO	24V AC/DC	159.000	
	NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LOẠI LỖI, NHẤN GIỮ				
		YW1L-A2E01QM3 (R, Y, A, W)	1NC	220V AC/DC	127.000
		YW1L-A2E01QM3G	1NC	220V AC/DC	147.000
		YW1L-A2E01QM3 (S, PW)	1NC	220V AC/DC	150.000
		YW1L-A2E10QM3 (R, Y, A, W)	1NO	220V AC/DC	127.000
		YW1L-A2E10QM3G	1NO	220V AC/DC	147.000
YW1L-A2E10QM3 (S, PW)		1NO	220V AC/DC	150.000	
YW1L-A2E02QM3 (R, Y, A, W)		2NC	220V AC/DC	154.000	
YW1L-A2E02QM3G		2NC	220V AC/DC	174.000	
YW1L-A2E02QM3 (S, PW)		2NC	220V AC/DC	177.000	

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

NÚT NHẤN	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		TIẾP ĐIỂM	NGUỒN CẤP	
	YW1L-A2E20QM3 (R, Y, A, W)	2NO	220V AC/DC	154.000
	YW1L-A2E20QM3G	2NO	220V AC/DC	174.000
	YW1L-A2E20QM3 (S, PW)	2NO	220V AC/DC	177.000
	YW1L-A2E11QM3 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	220V AC/DC	154.000
	YW1L-A2E11QM3G	1NC-1NO	220V AC/DC	174.000
	YW1L-A2E11QM3 (S, PW)	1NC-1NO	220V AC/DC	177.000
	YW1L-A2E01Q4 (R, Y, A, W)	1NC	24V AC/DC	127.000
	YW1L-A2E01Q4G	1NC	24V AC/DC	147.000
	YW1L-A2E01Q4 (S, PW)	1NC	24V AC/DC	150.000
	YW1L-A2E10Q4 (R, Y, A, W)	1NO	24V AC/DC	127.000
	YW1L-A2E10Q4G	1NO	24V AC/DC	147.000
	YW1L-A2E10Q4 (S, PW)	1NO	24V AC/DC	150.000
	YW1L-A2E02Q4 (R, Y, A, W)	2NC	24V AC/DC	154.000
	YW1L-A2E02Q4G	2NC	24V AC/DC	174.000
	YW1L-A2E02Q4 (S, PW)	2NC	24V AC/DC	177.000
	YW1L-A2E20Q4 (R, Y, A, W)	2NO	24V AC/DC	154.000
	YW1L-A2E20Q4G	2NO	24V AC/DC	174.000
	YW1L-A2E20Q4 (S, PW)	2NO	24V AC/DC	177.000
YW1L-A2E11Q4 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	24V AC/DC	154.000	
YW1L-A2E11Q4G	1NC-1NO	24V AC/DC	174.000	
YW1L-A2E11Q4 (S, PW)	1NC-1NO	24V AC/DC	177.000	
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LOẠI PHẪNG, NHẤN NHỎ				
	YW1L-MF2E01QM3 (R, Y, A, W)	1NC	220V AC/DC	153.000
	YW1L-MF2E01QM3G	1NC	220V AC/DC	174.000
	YW1L-MF2E01QM3 (S, PW)	1NC	220V AC/DC	181.000
	YW1L-MF2E10QM3 (R, Y, A, W)	1NO	220V AC/DC	153.000
	YW1L-MF2E10QM3G	1NO	220V AC/DC	174.000
	YW1L-MF2E10QM3 (S, PW)	1NO	220V AC/DC	181.000
	YW1L-MF2E02QM3 (R, Y, A, W)	2NC	220V AC/DC	180.000
	YW1L-MF2E02QM3G	2NC	220V AC/DC	201.000
	YW1L-MF2E02QM3 (S, PW)	2NC	220V AC/DC	208.000
	YW1L-MF2E20QM3 (R, Y, A, W)	2NO	220V AC/DC	180.000
	YW1L-MF2E20QM3G	2NO	220V AC/DC	201.000
	YW1L-MF2E20QM3 (S, PW)	2NO	220V AC/DC	208.000
	YW1L-MF2E11QM3 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	220V AC/DC	180.000
	YW1L-MF2E11QM3G	1NC-1NO	220V AC/DC	201.000
	YW1L-MF2E11QM3 (S, PW)	1NC-1NO	220V AC/DC	208.000
	YW1L-MF2E01Q4 (R, Y, A, W)	1NC	24V AC/DC	153.000
	YW1L-MF2E01Q4G	1NC	24V AC/DC	174.000
	YW1L-MF2E01Q4 (S, PW)	1NC	24V AC/DC	181.000
YW1L-MF2E10Q4 (R, Y, A, W)	1NO	24V AC/DC	153.000	

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

NÚT NHẤN	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		TIẾP ĐIỂM	NGUỒN CẤP	
	YW1L-MF2E10Q4G	1NO	24V AC/DC	174.000
	YW1L-MF2E10Q4 (S, PW)	1NO	24V AC/DC	181.000
	YW1L-MF2E02Q4 (R, Y, A, W)	2NC	24V AC/DC	180.000
	YW1L-MF2E02Q4G	2NC	24V AC/DC	201.000
	YW1L-MF2E02Q4 (S, PW)	2NC	24V AC/DC	208.000
	YW1L-MF2E20Q4 (R, Y, A, W)	2NO	24V AC/DC	180.000
	YW1L-MF2E20Q4G	2NO	24V AC/DC	201.000
	YW1L-MF2E20Q4 (S, PW)	2NO	24V AC/DC	208.000
	YW1L-MF2E11Q4 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	24V AC/DC	180.000
	YW1L-MF2E11Q4G	1NC-1NO	24V AC/DC	201.000
	YW1L-MF2E11Q4 (S, PW)	1NC-1NO	24V AC/DC	208.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LOẠI PHẪNG, NHẤN GIỮ				
	YW1L-AF2E01QM3 (R, Y, A, W)	1NC	220V AC/DC	177.000
	YW1L-AF2E01QM3G	1NC	220V AC/DC	198.000
	YW1L-AF2E01QM3 (S, PW)	1NC	220V AC/DC	200.000
	YW1L-AF2E10QM3 (R, Y, A, W)	1NO	220V AC/DC	177.000
	YW1L-AF2E10QM3G	1NO	220V AC/DC	198.000
	YW1L-AF2E10QM3 (S, PW)	1NO	220V AC/DC	200.000
	YW1L-AF2E02QM3 (R, Y, A, W)	2NC	220V AC/DC	204.000
	YW1L-AF2E02QM3G	2NC	220V AC/DC	225.000
	YW1L-AF2E02QM3 (S, PW)	2NC	220V AC/DC	227.000
	YW1L-AF2E20QM3 (R, Y, A, W)	2NO	220V AC/DC	204.000
	YW1L-AF2E20QM3G	2NO	220V AC/DC	225.000
	YW1L-AF2E20QM3 (S, PW)	2NO	220V AC/DC	227.000
	YW1L-AF2E11QM3 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	220V AC/DC	204.000
	YW1L-AF2E11QM3G	1NC-1NO	220V AC/DC	225.000
	YW1L-AF2E11QM3 (S, PW)	1NC-1NO	220V AC/DC	227.000
	YW1L-AF2E01Q4 (R, Y, A, W)	1NC	24V AC/DC	177.000
	YW1L-AF2E01Q4G	1NC	24V AC/DC	198.000
	YW1L-AF2E01Q4 (S, PW)	1NC	24V AC/DC	200.000
	YW1L-AF2E10Q4 (R, Y, A, W)	1NO	24V AC/DC	177.000
	YW1L-AF2E10Q4G	1NO	24V AC/DC	198.000
	YW1L-AF2E10Q4 (S, PW)	1NO	24V AC/DC	200.000
	YW1L-AF2E02Q4 (R, Y, A, W)	2NC	24V AC/DC	204.000
	YW1L-AF2E02Q4G	2NC	24V AC/DC	225.000
	YW1L-AF2E02Q4 (S, PW)	2NC	24V AC/DC	227.000
	YW1L-AF2E20Q4 (R, Y, A, W)	2NO	24V AC/DC	204.000
	YW1L-AF2E20Q4G	2NO	24V AC/DC	225.000
	YW1L-AF2E20Q4 (S, PW)	2NO	24V AC/DC	227.000
	YW1L-AF2E11Q4 (R, Y, A, W)	1NC-1NO	24V AC/DC	204.000
	YW1L-AF2E11Q4G	1NC-1NO	24V AC/DC	225.000
	YW1L-AF2E11Q4 (S, PW)	1NC-1NO	24V AC/DC	227.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

NÚT NHẤN	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		TIẾP ĐIỂM			
NÚT NHẤN KHẨN					
	YW1B-V4E01R	1NC	72.000		
	YW1B-V4E02R	2NC	99.000		
	YW1B-V4E03R	3NC	126.000		
	YW1B-V4E11R	1NO-1NC	99.000		
	YW1B-V4E12R	1NO-2NC	126.000		
	YW1B-V4E21R	2NO-1NC	126.000		
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN					
	YW1B-M1E01 (B, G, R, Y, W, S)	1NC, nhấn nhả	44.000		
	YW1B-M1E10 (B, G, R, Y, W, S)	1NO, nhấn nhả	44.000		
	YW1B-M1E02 (B, G, R, Y, W, S)	2NC, nhấn nhả	71.000		
	YW1B-M1E20 (B, G, R, Y, W, S)	2NO, nhấn nhả	71.000		
	YW1B-M1E11 (B, G, R, Y, W, S)	1NC-1NO, nhấn nhả	71.000		
	YW1B-A1E01 (B, G, R, Y, W, S)	1NC, nhấn giữ	68.000		
	YW1B-A1E10 (B, G, R, Y, W, S)	1NO, nhấn giữ	68.000		
	YW1B-A1E02 (B, G, R, Y, W, S)	2NC, nhấn giữ	95.000		
	YW1B-A1E20 (B, G, R, Y, W, S)	2NO, nhấn giữ	95.000		
	YW1B-A1E11 (B, G, R, Y, W, S)	1NC-1NO, nhấn giữ	95.000		
CÔNG TẮC XOAY					
		MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		TIẾP ĐIỂM			
CÔNG TẮC XOAY 2 VỊ TRÍ (90°)					
		YW1S-2E01	1NC, tự giữ	52.000	
		YW1S-2E10	1NO, tự giữ	52.000	
		YW1S-2E02	2NC, tự giữ	79.000	
		YW1S-2E20	2NO, tự giữ	79.000	
		YW1S-2E11	1NO-1NC, tự giữ	79.000	
			YW1S-21E01	1NC, tự trả về từ bên phải	52.000
	YW1S-21E10		1NO, tự trả về từ bên phải	52.000	
	YW1S-21E02		2NC, tự trả về từ bên phải	79.000	
	YW1S-21E20		2NO, tự trả về từ bên phải	79.000	
	YW1S-21E11		1NO-1NC, tự trả về từ bên phải	79.000	
	CÔNG TẮC XOAY CÓ KHOÁ, 2 VỊ TRÍ (90°)				
			YW1K-2AE01	1NC, tự giữ	150.000
YW1K-2AE10			1NO, tự giữ	150.000	
YW1K-2AE02			2NC, tự giữ	177.000	
YW1K-2AE20			2NO, tự giữ	177.000	
YW1K-2AE11			1NO-1NC, tự giữ	177.000	
			YW1K-21BE01	1NC, tự trả về từ bên phải	150.000
		YW1K-21BE10	1NO, tự trả về từ bên phải	150.000	
		YW1K-21BE02	2NC, tự trả về từ bên phải	177.000	
		YW1K-21BE20	2NO, tự trả về từ bên phải	177.000	
		YW1K-21BE11	1NO-1NC, tự trả về từ bên phải	177.000	

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hở phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

CÔNG TẮC XOAY		MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT		ĐƠN GIÁ (VNĐ)
			TIẾP ĐIỂM		
CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ (45°)					
		YW1S-3E02	2NC, tự giữ	79.000	
		YW1S-3E20	2NO, tự giữ	79.000	
		YW1S-3E11	1NO-1NC, tự giữ	79.000	
		YW1S-3E21	2NO-1NC, tự giữ	106.000	
		YW1S-3E12	1NO-2NC, tự giữ	106.000	
		YW1S-31E02	2NC, tự trả về từ bên phải	79.000	
		YW1S-31E20	2NO, tự trả về từ bên phải	79.000	
		YW1S-31E11	1NO-1NC, tự trả về từ bên phải	79.000	
		YW1S-31E21	2NO-1NC, tự trả về từ bên phải	106.000	
		YW1S-31E12	1NO-2NC, tự trả về từ bên phải	106.000	
		YW1S-32E02	2NC, tự trả về từ bên trái	79.000	
		YW1S-32E20	2NO, tự trả về từ bên trái	79.000	
		YW1S-32E11		79.000	
		YW1S-32E21	2NO-1NC, tự trả về từ bên trái	106.000	
		YW1S-32E12		106.000	
		YW1S-33E02	2NC, tự trả về từ hai bên	79.000	
		YW1S-33E20	2NO, tự trả về từ hai bên	79.000	
		YW1S-33E11	1NO-1NC, tự trả về từ hai bên	79.000	
		YW1S-33E21	2NO-1NC, tự trả về từ hai bên	106.000	
		YW1S-33E12	1NO-2NC, tự trả về từ hai bên	106.000	
CÔNG TẮC XOAY CÓ KHOÁ, 3 VỊ TRÍ (45°)					
		YW1K-3AE02	2NC, tự giữ	177.000	
		YW1K-3AE20	2NO, tự giữ	177.000	
		YW1K-3AE11	1NO-1NC, tự giữ	177.000	
		YW1K-3AE21	2NO-1NC, tự giữ	204.000	
		YW1K-3AE12	1NO-2NC, tự giữ	204.000	
		YW1K-31BE02	2NC, tự trả về từ bên phải	177.000	
		YW1K-31BE20	2NO, tự trả về từ bên phải	177.000	
		YW1K-31BE11	1NO-1NC, tự trả về từ bên phải	177.000	
		YW1K-31BE21	2NO-1NC, tự trả về từ bên phải	204.000	
		YW1K-31BE12	1NO-2NC, tự trả về từ bên phải	204.000	
		YW1K-32CE02	2NC, tự trả về từ bên trái	177.000	
		YW1K-32CE20	2NO, tự trả về từ bên trái	177.000	
		YW1K-32CE11	1NO-1NC, tự trả về từ bên trái	177.000	
		YW1K-32CE21	2NO-1NC, tự trả về từ bên trái	204.000	
		YW1K-32CE12	1NO-2NC, tự trả về từ bên trái	204.000	
		YW1K-33DE02	2NC, tự trả về từ hai bên	177.000	
		YW1K-33DE20	2NO, tự trả về từ hai bên	177.000	
		YW1K-33DE11	1NO-1NC, tự trả về từ hai bên	177.000	
		YW1K-33DE21	2NO-1NC, tự trả về từ hai bên	204.000	
		YW1K-33DE12	1NO-2NC, tự trả về từ hai bên	204.000	

TW SERIES	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
NÚT NHẤN			
	ABW110 (B, G, R, S, W, Y)	1NO, nhấn nhả	124.000
	ABW101 (B, G, R, S, W, Y)	1NC, nhấn nhả	124.000
	ABW111 (B, G, R, S, W, Y)	1NO-1NC, nhấn nhả	210.000
	ABW120 (B, G, R, S, W, Y)	2NO, nhấn nhả	210.000
	ABW102 (B, G, R, S, W, Y)	2NC, nhấn nhả	210.000
	AOW110 (B, G, R, S, W, Y)	1NO, nhấn giữ	294.000
	AOW101 (B, G, R, S, W, Y)	1NC, nhấn giữ	294.000
	AOW111 (B, G, R, S, W, Y)	1NO-1NC, nhấn giữ	380.000
	AOW120 (B, G, R, S, W, Y)	2NO, nhấn giữ	380.000
	AOW102 (B, G, R, S, W, Y)	2NC, nhấn giữ	380.000
NÚT NHẤN KHẨN			
	AVW410 (R, Y)	1NO	379.000
	AVW401 (R, Y)	1NC	379.000
	AVW411 (R, Y)	1NO-1NC	465.000
	AVW420 (R, Y)	2NO	465.000
	AVW402 (R, Y)	2NC	465.000
ĐÈN BÁO			
	APW199 (A, R, W, Y)	Đèn báo trực tiếp, loại phẳng	134.000
	APW199G	Đèn báo trực tiếp, loại phẳng	150.000
	APW199 (S, PW)	Đèn báo trực tiếp, loại phẳng	168.000
	APW299 (A, R, W, Y)	Đèn báo trực tiếp, loại vòm	134.000
	APW299G	Đèn báo trực tiếp, loại vòm	150.000
	APW299 (S, PW)	Đèn báo trực tiếp, loại vòm	168.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LED TRỰC TIẾP			
	ALW29911 (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn nhả	336.000
	ALW29911G	1NO-1NC, nhấn nhả	351.000
	ALW29911 (S, PW)	1NO-1NC, nhấn nhả	369.000
	ALW29920 (A, R, Y, W)	2NO, nhấn nhả	336.000
	ALW29920G	2NO, nhấn nhả	351.000
	ALW29920 (S, PW)	2NO, nhấn nhả	369.000
	AOLW29911 (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn giữ	479.000
	AOLW29911G	1NO-1NC, nhấn giữ	494.000
	AOLW29911 (S, PW)	1NO-1NC, nhấn giữ	512.000
	AOLW29920 (A, R, Y, W)	2NO, nhấn giữ	479.000
	AOLW29920G	2NO, nhấn giữ	494.000
	AOLW29920 (S, PW)	2NO, nhấn giữ	512.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LOẠI PHẪNG, LED TRỰC TIẾP			
	ALFW29911 (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn nhả	434.000
	ALFW29911G	1NO-1NC, nhấn nhả	450.000
	ALFW29911 (S, PW)	1NO-1NC, nhấn nhả	468.000
	ALFW29920 (A, R, Y, W)	2NO, nhấn nhả	434.000
	ALFW29920G	2NO, nhấn nhả	450.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

TW SERIES	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
	ALFW29920 (S, PW)	2NO, nhấn nhả	468.000
	AOLFW29911 (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn giữ	700.000
	AOLFW29911G	1NO-1NC, nhấn giữ	716.000
	AOLFW29911 (S, PW)	1NO-1NC, nhấn giữ	733.000
	AOLFW29920 (A, R, Y, W)	2NO, nhấn giữ	700.000
	AOLFW29920G	2NO, nhấn giữ	716.000
	AOLFW29920 (S, PW)	2NO, nhấn giữ	733.000
CÔNG TẮC XOAY, TỰ GIỮ			
	ASW210	1NO, 2 vị trí	201.000
	ASW201	1NC, 2 vị trí	201.000
	ASW211	1NO-1NC, 2 vị trí	287.000
	ASW220	2NO, 2 vị trí	287.000
	ASW202	2NC, 2 vị trí	287.000
	ASW222	2NO-2NC, 2 vị trí	459.000
	ASW320	2NO, 3 vị trí	287.000
	ASW302	2NC, 3 vị trí	287.000
	ASW322	2NO-2NC, 3 vị trí	459.000
	ASW2L10	1NO, 2 vị trí	201.000
	ASW2L11	1NO-1NC, 2 vị trí	287.000
	ASW2L20	2NO, 2 vị trí	287.000
	ASW3L20	2NO, 3 vị trí	287.000
	ASW3L02	2NC, 3 vị trí	287.000
	ASW3L22	2NO-2NC, 3 vị trí	459.000
	ASW2K10	1NO, 2 vị trí	363.000
	ASW2K11	1NO-1NC, 2 vị trí	449.000
	ASW2K20	2NO, 2 vị trí	449.000
	ASW3K20	2NO, 3 vị trí	449.000
	ASW3K02	2NC, 3 vị trí	449.000
	ASW3K22	2NO-2NC, 3 vị trí	621.000
CÔNG TẮC XOAY CÓ ĐÈN			
	ASLW29911 (A, R, Y, W)	1NO-1NC, 2 vị trí	448.000
	ASLW29911G	1NO-1NC, 2 vị trí	463.000
	ASLW29911 (S, PW)	1NO-1NC, 2 vị trí	481.000
	ASLW29920 (A, R, Y, W)	2NO, 2 vị trí	448.000
	ASLW29920G	2NO, 2 vị trí	463.000
	ASLW29920 (S, PW)	2NO, 2 vị trí	481.000
	ASLW39920 (A, R, Y, W)	2NO, 3 vị trí	448.000
	ASLW39920G	2NO, 3 vị trí	463.000
	ASLW39920 (S, PW)	2NO, 3 vị trí	481.000
	ASLW39902 (A, R, Y, W)	2NC, 3 vị trí	448.000
	ASLW39902G	2NC, 3 vị trí	463.000
	ASLW39902 (S, PW)	2NC, 3 vị trí	481.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hở phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

Φ 30 SERIAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN			
	ABN110 (B, G, R, Y, S, W)	1NO, nhấn nhả	174.000
	ABN101 (B, G, R, Y, S, W)	1NC, nhấn nhả	174.000
	ABN111 (B, G, R, Y, S, W)	1NO-1NC, nhấn nhả	258.000
	ABN120 (B, G, R, Y, S, W)	2NO, nhấn nhả	258.000
	ABN102 (B, G, R, Y, S, W)	2NC, nhấn nhả	258.000
	ABN122 (B, G, R, Y, S, W)	2NO-2NC, nhấn nhả	426.000
	AON110 (B, G, R, Y, S, W)	1NO, nhấn giữ	387.000
	AON101 (B, G, R, Y, S, W)	1NC, nhấn giữ	387.000
	AON111 (B, G, R, Y, S, W)	1NO-1NC, nhấn giữ	471.000
	AON120 (B, G, R, Y, S, W)	2NO, nhấn giữ	471.000
	AON102 (B, G, R, Y, S, W)	2NC, nhấn giữ	471.000
	AON122 (B, G, R, Y, S, W)	2NO-2NC, nhấn giữ	639.000
NÚT NHẤN KHẨN			
	AVN310N (R, Y)	1NO	441.000
	AVN301N (R, Y)	1NC	441.000
	AVN311N (R, Y)	1NO-1NC	525.000
	AVN320N (R, Y)	2NO	525.000
	AVN302N (R, Y)	2NC	525.000
	AVN322N (R, Y)	2NO-2NC	693.000
ĐÈN BÁO			
	APN199 (A, R, Y, W)	Đèn báo trực tiếp	144.000
	APN199G	Đèn báo trực tiếp	160.000
	APN199 (S, PW)	Đèn báo trực tiếp	178.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LED TRỰC TIẾP			
	ALN29911DN (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn nhả	429.000
	ALN29911DNG	1NO-1NC, nhấn nhả	444.000
	ALN29911DN (S, PW)	1NO-1NC, nhấn nhả	462.000
	ALN29920DN (A, R, Y, W)	2NO, nhấn nhả	429.000
	ALN29920DNG	2NO, nhấn nhả	444.000
	ALN29920DN (S, PW)	2NO, nhấn nhả	462.000
	ALN29902DN (A, R, Y, W)	2NO-2NC, nhấn nhả	429.000
	ALN29902DNG	2NO-2NC, nhấn nhả	444.000
	ALN29902DN (S, PW)	2NO-2NC, nhấn nhả	462.000
	AOLN29911DN (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn giữ	806.000
	AOLN29911DNG	1NO-1NC, nhấn giữ	821.000
	AOLN29911DN (S, PW)	1NO-1NC, nhấn giữ	839.000
	AOLN29920DN (A, R, Y, W)	2NO, nhấn giữ	806.000
	AOLN29920DNG	2NO, nhấn giữ	821.000
	AOLN29920DN (S, PW)	2NO, nhấn giữ	839.000
	AOLN29902DN (A, R, Y, W)	2NO-2NC, nhấn giữ	806.000
	AOLN29902DNG	2NO-2NC, nhấn giữ	821.000
	AOLN29902DN (S, PW)	2NO-2NC, nhấn giữ	839.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hở phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

Φ 30 SERIAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, LOẠI PHẪNG, LED TRỰC TIẾP			
	ALFN29911DN (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn nhả	558.000
	ALFN29911DNG	1NO-1NC, nhấn nhả	573.000
	ALFN29911DN (S, PW)	1NO-1NC, nhấn nhả	591.000
	ALFN29920DN (A, R, Y, W)	2NO, nhấn nhả	558.000
	ALFN29920DNG	2NO, nhấn nhả	573.000
	ALFN29920DN (S, PW)	2NO, nhấn nhả	591.000
	ALFN29902DN (A, R, Y, W)	2NC, nhấn nhả	558.000
	ALFN29902DNG	2NC, nhấn nhả	573.000
	ALFN29902DN (S, PW)	2NC, nhấn nhả	591.000
	AOLFN29911DN (A, R, Y, W)	1NO-1NC, nhấn giữ	761.000
	AOLFN29911DNG	1NO-1NC, nhấn giữ	777.000
	AOLFN29911DN (S, PW)	1NO-1NC, nhấn giữ	794.000
	AOLFN29920DN (A, R, Y, W)	2NO, nhấn giữ	761.000
	AOLFN29920DNG	2NO, nhấn giữ	777.000
	AOLFN29920DN (S, PW)	2NO, nhấn giữ	794.000
	AOLFN29902DN (A, R, Y, W)	2NO-2NC, nhấn giữ	761.000
AOLFN29902DNG	2NO-2NC, nhấn giữ	777.000	
AOLFN29902DN (S, PW)	2NO-2NC, nhấn giữ	794.000	
CÔNG TẮC XOAY, TỰ GIỮ			
	ASN310	1NO, 2 vị trí	234.000
	ASN311	1NO-1NC, 2 vị trí	318.000
	ASN320	2NO, 2 vị trí	318.000
	ASN322	2NO-2NC, 2 vị trí	486.000
	ASN111	1NO-1NC, 3 vị trí	318.000
	ASN122	2NO-2NC, 3 vị trí	486.000
	ASN3L10	1NO, 2 vị trí	268.000
	ASN3L11	1NO-1NC, 2 vị trí	352.000
	ASN3L20	2NO, 2 vị trí	352.000
	ASN3L22	2NO-2NC, 2 vị trí	520.000
	ASN1L11	1NO-1NC, 3 vị trí	352.000
	ASN1L22	2NO-2NC, 3 vị trí	520.000
	ASN3K10	1NO, 2 vị trí	422.000
	ASN3K11	1NO-1NC, 2 vị trí	506.000
	ASN3K20	2NO, 2 vị trí	506.000
	ASN1K11	1NO-1NC, 3 vị trí	506.000
	ASN1K22	2NO-2NC, 3 vị trí	674.000
CÔNG TẮC XOAY CÓ ĐÈN, TỰ GIỮ			
	ASLN29911N (A, R, Y, W)	1NO-1NC, 2 vị trí	507.000
	ASLN29911NG	1NO-1NC, 2 vị trí	522.000
	ASLN29911N (S, PW)	1NO-1NC, 2 vị trí	540.000
	ASLN29920N (A, R, Y, W)	2NO, 2 vị trí	507.000
	ASLN29920NG	2NO, 2 vị trí	522.000
	ASLN29920N (S, PW)	2NO, 2 vị trí	540.000
	ASLN39920N (A, R, Y, W)	2NO, 3 vị trí	507.000
	ASLN39920NG	2NO, 3 vị trí	522.000
	ASLN39920N (S, PW)	2NO, 3 vị trí	540.000
	ASLN39902N (A, R, Y, W)	2NC, 3 vị trí	507.000
	ASLN39902NG	2NC, 3 vị trí	522.000
	ASLN39902N (S, PW)	2NC, 3 vị trí	540.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

PHỤ KIỆN	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		Tiếp điểm phụ dùng cho	
Tiếp điểm phụ			
	YW-E01	1NC, dùng cho loại YW	27.000
	YW-E10	1NO, dùng cho loại YW	27.000
	YW-EW02	2NC, dùng cho loại YW	68.000
	YW-EW20	2NO, dùng cho loại YW	68.000
	YW-EW11	1NC-1NO, dùng cho loại YW	68.000
 HW-C10 HW-C01	HW-C10	1NO, dùng cho loại TW	86.000
	HW-C01	1NC, dùng cho loại TW	86.000
 BST001 BS010E	BS010E	1NO, dùng cho loại Φ 30 không đèn	84.000
	BS001E	1NC, dùng cho loại Φ 30 không đèn	84.000
	BST010	1NO, dùng cho loại Φ 30 có đèn	84.000
	BST001	1NC, dùng cho loại Φ 30 có đèn	84.000
Bóng đèn			
	LS-T6P	6.3V-1W	8.000
	LS-T8P	18V-1W	8.000
	LS-T3P	30V-1W	8.000
	LSED-6 (A, R, Y)	6V AC/DC	46.000
	LSED-6G	6V AC/DC	61.000
	LSED-6 (S, PW)	6V AC/DC	79.000
	LSED-1 (A, R, Y)	12V AC/DC	46.000
	LSED-1G	12V AC/DC	61.000
	LSED-1 (S, PW)	12V AC/DC	79.000
	LSED-2 (A, R, Y)	24V AC/DC	46.000
	LSED-2G	24V AC/DC	61.000
	LSED-2 (S, PW)	24V AC/DC	79.000
	LSED-H (A, R, Y)	110V AC/DC	46.000
	LSED-HG	110V AC/DC	61.000
	LSED-H (S, PW)	110V AC/DC	79.000
	LSED-M3 (A, R, Y)	220V AC/DC	46.000
	LSED-M3G	220V AC/DC	61.000
	LSED-M3 (S, PW)	220V AC/DC	79.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hồ phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

NÚT NHẤN, ĐÈN BÁO Φ 16	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, TRÒN			
	AB6M-M1 (G, R, Y, S, B)	SPDT, nhấn nhả	83.000
	AB6M-M2 (G, R, Y, S, B)	DPDT, nhấn nhả	132.000
	AB6M-A1 (G, R, Y, S, B)	SPDT, nhấn giữ	116.000
	AB6M-A2 (G, R, Y, S, B)	DPDT, nhấn giữ	154.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, TRÒN LED 24V DC			
	AL6M-M14 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn nhả	111.000
	AL6M-M14S	SPDT, nhấn nhả	122.000
	AL6M-M24 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn nhả	152.000
	AL6M-M24S	DPDT, nhấn nhả	167.000
	AL6M-A14 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn giữ	151.000
	AL6M-A14S	SPDT, nhấn giữ	151.000
	AL6M-A24 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn giữ	162.000
	AL6M-A24S	DPDT, nhấn giữ	178.000
ĐÈN BÁO TRÒN			
	AL6M-P4 (G, R, Y, W, A)	24V DC	83.000
	AL6M-P4S	24V DC	93.000
CÔNG TẮC CHỌN, TRÒN			
	AS6M-2Y1	2 vị trí, SPDT	134.000
	AS6M-2Y2	2 vị trí, DPDT	206.000
	AS6M-3Y2	3 vị trí, DPDT	206.000
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, VUÔNG			
	AB6Q-M1 (G, R, Y, S, W, B)	SPDT, nhấn nhả	83.000
	AB6Q-M2 (G, R, Y, S, W, B)	DPDT, nhấn nhả	132.000
	AB6Q-A1 (G, R, Y, S, W, B)	SPDT, nhấn giữ	116.000
	AB6Q-A2 (G, R, Y, S, W, B)	SPDT, nhấn nhả	154.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, VUÔNG LED 24V DC			
	AL6Q-M14 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn nhả	111.000
	AL6Q-M14S	SPDT, nhấn nhả	122.000
	AL6Q-M24 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn nhả	152.000
	AL6Q-M24S	DPDT, nhấn nhả	167.000
	AL6Q-A14 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn giữ	151.000
	AL6Q-A14S	SPDT, nhấn giữ	151.000
	AL6Q-A24 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn giữ	162.000
	AL6Q-A24S	DPDT, nhấn giữ	178.000
ĐÈN BÁO VUÔNG			
	AL6Q-P4 (G, R, Y, W, A)	24V DC	83.000
	AL6Q-P4S	24V DC	93.000
CÔNG TẮC CHỌN, VUÔNG			
	AS6Q-2Y1	2 vị trí, SPDT	134.000
	AS6Q-2Y2	2 vị trí, DPDT	206.000
	AS6Q-3Y2	3 vị trí, SPDT	206.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hở phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

NÚT NHẤN, ĐÈN BÁO Φ 12	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, TRÒN			
	AB2M-M1 (G, R, Y, S, B)	SPDT, nhấn nhả	190.000
	AB2M-M2 (G, R, Y, S, B)	DPDT, nhấn nhả	226.000
	AB2M-A1 (G, R, Y, S, B)	SPDT, nhấn giữ	202.000
	AB2M-A2 (G, R, Y, S, B)	DPDT, nhấn giữ	238.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, TRÒN, LED 24V DC			
	AL2M-M11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn nhả	217.000
	AL2M-M21 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn nhả	252.000
	AL2M-A11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn giữ	230.000
	AL2M-A21 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn giữ	266.000
ĐÈN BÁO TRÒN			
	AL2M-P1 (G, R, Y, W, A)	24V DC	151.000
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, VUÔNG			
	AB2Q-M1 (G, R, Y, S)	SPDT, nhấn nhả	190.000
	AB2Q-M2 (G, R, Y, S)	DPDT, nhấn nhả	226.000
	AB2Q-A1 (G, R, Y, S)	SPDT, nhấn giữ	202.000
	AB2Q-A2 (G, R, Y, S)	DPDT, nhấn giữ	238.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, VUÔNG, LED 24V DC			
	AL2Q-M11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn nhả	217.000
	AL2Q-M21 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn nhả	252.000
	AL2Q-A11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn giữ	230.000
	AL2Q-A21 (G, R, Y, W, A)	DPDT, nhấn giữ	266.000
ĐÈN BÁO VUÔNG			
	AL2Q-P1 (G, R, Y, W, A)	24V DC	151.000
NÚT NHẤN, ĐÈN BÁO Φ 10			
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, TRÒN			
	AB1M-M1 (G, R, Y, S)	SPDT, nhấn nhả	148.000
	AB1M-A1 (G, R, Y, S)	SPDT, nhấn giữ	156.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, TRÒN, LED 24V DC			
	AL1M-M11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn nhả	176.000
	AL1M-A11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn giữ	183.000
ĐÈN BÁO TRÒN			
	AL1M-P1 (G, R, Y, W, A)	24V DC	123.000
NÚT NHẤN KHÔNG ĐÈN, VUÔNG			
	AB1Q-M1 (G, R, Y, S)	SPDT, nhấn nhả	148.000
	AB1Q-A1 (G, R, Y, S)	SPDT, nhấn giữ	156.000
NÚT NHẤN CÓ ĐÈN, VUÔNG, LED 24V DC			
	AL1Q-M11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn nhả	176.000
	AL1Q-A11 (G, R, Y, W, A)	SPDT, nhấn giữ	183.000
ĐÈN BÁO VUÔNG			
	AL1Q-P1 (G, R, Y, W, A)	24V DC	123.000

G: Xanh lá cây - R: Đỏ - Y: Vàng - W: Trắng - A: Hở phách - S: Xanh da trời - PW: Trắng sáng

RELAY KIỂNG	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
RJ1S: RELAY LOẠI NHỎ, 1 CỰC, $I_{MAX} = 12A$			
	RJ1S-C-D24	5 chân đẹp, không đèn, 8A/24V DC	57.000
	RJ1S-C-A24	5 chân đẹp, không đèn, 8A/24V AC	63.000
	RJ1S-C-A110	5 chân đẹp, không đèn, 8A/110V AC	63.000
	RJ1S-C-A230	5 chân đẹp, không đèn, 8A/220V AC	80.000
	RJ1S-CL-D24	5 chân đẹp, có đèn, 8A/24V DC	72.000
	RJ1S-CL-A24	5 chân đẹp, có đèn, 8A/24V AC	80.000
	RJ1S-CL-A110	5 chân đẹp, có đèn, 8A/110V AC	80.000
	RJ1S-CL-A230	5 chân đẹp, có đèn, 8A/220V AC	97.000
RJ2S: RELAY LOẠI NHỎ, 2 CỰC, $I_{MAX} = 8A$			
	RJ2S-C-D24	8 chân đẹp, không đèn, 8A/24V DC	61.000
	RJ2S-C-A24	8 chân đẹp, không đèn, 8A/24V AC	69.000
	RJ2S-C-A110	8 chân đẹp, không đèn, 8A/110V AC	69.000
	RJ2S-C-A220	8 chân đẹp, không đèn, 8A/220V AC	86.000
	RJ2S-CL-D24	8 chân đẹp, có đèn, 8A/24V DC	77.000
	RJ2S-CL-A24	8 chân đẹp, có đèn, 8A/24V AC	87.000
	RJ2S-CL-A110	8 chân đẹp, có đèn, 8A/110V AC	87.000
	RJ2S-CL-A230	8 chân đẹp, có đèn, 8A/220V AC	102.000
RM2S: RELAY LOẠI LỚN, 2 CỰC, $I_{MAX} = 5A$			
	RM2S-U-DC24	8 chân đẹp, không đèn, 24V DC	51.000
	RM2S-U-AC24	8 chân đẹp, không đèn, 24V AC	59.000
	RM2S-U-AC110	8 chân đẹp, không đèn, 110V AC	59.000
	RM2S-U-AC220	8 chân đẹp, không đèn, 220V AC	59.000
	RM2S-UL-DC24	8 chân đẹp, có đèn, 24V DC	73.000
	RM2S-UL-AC24	8 chân đẹp, có đèn, 24V AC	79.000
	RM2S-UL-AC110	8 chân đẹp, có đèn, 110V AC	79.000
	RM2S-UL-AC220	8 chân đẹp, có đèn, 220V AC	79.000
RY4S: RELAY LOẠI LỚN, 4 CỰC, $I_{MAX} = 5A$			
	RY4S-U-DC24	14 chân đẹp, không đèn, 24V DC	72.000
	RY4S-U-AC24	14 chân đẹp, không đèn, 24V AC	76.000
	RY4S-U-AC110	14 chân đẹp, không đèn, 110V AC	76.000
	RY4S-U-AC220	14 chân đẹp, không đèn, 220V AC	72.000
	RY4S-UL-DC24	14 chân đẹp, có đèn, 24V DC	83.000
	RY4S-UL-AC24	14 chân đẹp, có đèn, 24V AC	88.000
	RY4S-UL-AC110	14 chân đẹp, có đèn, 110V AC	88.000
	RY4S-UL-AC220	14 chân đẹp, có đèn, 220V AC	83.000
RU2S: RELAY LOẠI LỚN, 2 CỰC, $I_{MAX} = 10A$			
	RU2S-NF-D24	8 chân đẹp, không đèn, 24V DC	78.000
	RU2S-NF-A24	8 chân đẹp, không đèn, 24V AC	83.000
	RU2S-NF-A110	8 chân đẹp, không đèn, 110V AC	83.000
	RU2S-NF-A220	8 chân đẹp, không đèn, 220V AC	78.000
	RU2S-C-D24	8 chân đẹp, có đèn, 24V DC	90.000
	RU2S-C-A24	8 chân đẹp, có đèn, 24V AC	97.000
	RU2S-C-A110	8 chân đẹp, có đèn, 110V AC	97.000
	RU2S-C-A220	8 chân đẹp, có đèn, 220V AC	90.000

RELAY KIỂNG	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
RU4S: RELAY LOẠI LỚN, 4 CỰC, $I_{MAX} = 6A$			
	RU4S-NF-D24	14 chân dẹp, không đèn, 24V DC	92.000
	RU4S-NF-A24	14 chân dẹp, không đèn, 24V AC	99.000
	RU4S-NF-A110	14 chân dẹp, không đèn, 110V AC	99.000
	RU4S-NF-A220	14 chân dẹp, không đèn, 220V AC	92.000
	RU4S-C-D24	14 chân dẹp, có đèn, 24V DC	104.000
	RU4S-C-A24	14 chân dẹp, có đèn, 24V AC	112.000
	RU4S-C-A110	14 chân dẹp, có đèn, 110V AC	112.000
	RU4S-C-A220	14 chân dẹp, có đèn, 220V AC	104.000
RR2P: RELAY LOẠI LỚN, 2 CỰC, $I_{MAX} = 10A$			
	RR2P-UDC24	8 chân tròn, không đèn, 24V DC	136.000
	RR2P-UAC24	8 chân tròn, không đèn, 24V AC	150.000
	RR2P-UAC110	8 chân tròn, không đèn, 110V AC	150.000
	RR2P-UAC220	8 chân tròn, không đèn, 220V AC	150.000
	RR2P-ULDC24	8 chân tròn, có đèn, 24V DC	162.000
	RR2P-ULAC24	8 chân tròn, có đèn, 24V AC	191.000
	RR2P-ULAC110	8 chân tròn, có đèn, 110V AC	210.000
	RR2P-ULAC220	8 chân tròn, có đèn, 220V AC	182.000
RR3P: RELAY LOẠI LỚN, 3 CỰC, $I_{MAX} = 10A$			
	RR3P-UDC24	11 chân tròn, không đèn, 24V DC	181.000
	RR3P-UAC24	11 chân tròn, không đèn, 24V AC	181.000
	RR3P-UAC110	11 chân tròn, không đèn, 110V AC	202.000
	RR3P-UAC220	11 chân tròn, không đèn, 220V AC	181.000
	RR3P-ULDC24	11 chân tròn, có đèn, 24V DC	223.000
	RR3P-ULAC24	11 chân tròn, có đèn, 24V AC	260.000
	RR3P-ULAC110	11 chân tròn, có đèn, 110V AC	260.000
	RR3P-ULAC220	11 chân tròn, có đèn, 220V AC	236.000
RH2B: RELAY LOẠI LỚN, 2 CỰC, $I_{MAX} = 10A$			
	RH2B-UDC24	8 chân dẹp lớn, không đèn, 24V DC	81.000
	RH2B-UAC24	8 chân dẹp lớn, không đèn, 24V AC	91.000
	RH2B-UAC110	8 chân dẹp lớn, không đèn, 110V AC	91.000
	RH2B-UAC220	8 chân dẹp lớn, không đèn, 220V AC	96.000
	RH2B-ULDC24	8 chân dẹp lớn, có đèn, 24V DC	99.000
	RH2B-ULAC24	8 chân dẹp lớn, có đèn, 24V AC	109.000
	RH2B-ULAC110	8 chân dẹp lớn, có đèn, 110V AC	109.000
	RH2B-ULAC220	8 chân dẹp lớn, có đèn, 220V AC	113.000
RH4B: RELAY LOẠI LỚN, 4 CỰC, $I_{MAX} = 10A$			
	RH4B-UDC24	14 chân dẹp lớn, không đèn, 24V DC	257.000
	RH4B-UAC24	14 chân dẹp lớn, không đèn, 24V AC	297.000
	RH4B-UAC110	14 chân dẹp lớn, không đèn, 110V AC	257.000
	RH4B-UAC220	14 chân dẹp lớn, không đèn, 220V AC	257.000
	RH4B-ULDC24	14 chân dẹp lớn, có đèn, 24V DC	273.000
	RH4B-ULAC24	14 chân dẹp lớn, có đèn, 24V AC	344.000
	RH4B-ULAC110	14 chân dẹp lớn, có đèn, 110V AC	273.000
	RH4B-ULAC220	14 chân dẹp lớn, có đèn, 220V AC	273.000

TIMER	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		DÀI THỜI GIAN	NGUỒN CẤP	TIẾP ĐIỂM	Kiểu ĐIỀU KHIỂN		
TIMER ĐƠN GIẢN GE1A							
	GE1A-B10MA200	1s-10m	200-220V AC	Delay SPDT + Intantenus SPDT	On delay	396.000	
	GE1A-B30MA200	3s-30m	200-220V AC			396.000	
	GE1A-B10HA200	1m-10h	200-220V AC			396.000	
	GE1A-B30HA200	3m-30h	200-220V AC			396.000	
	GE1A-B10MAD24	1s-10m	24V DC			396.000	
	GE1A-B30MAD24	3s-30m	24V DC			396.000	
	GE1A-B10HAD24	1m-10h	24V DC			396.000	
	GE1A-B30HAD24	3m-30h	24V DC			396.000	
	GE1A-C10MA200	1s-10m	200-220V AC	Delay DPDT	On delay	470.000	
	GE1A-C30MA200	3s-30m	200-220V AC			470.000	
	GE1A-C10HA200	1m-10h	200-220V AC			470.000	
	GE1A-C30HA200	3m-30h	200-220V AC			470.000	
	GE1A-C10MAD24	1s-10m	24V DC			470.000	
	GE1A-C30MAD24	3s-30m	24V DC			470.000	
	GE1A-C10HAD24	1m-10h	24V DC			470.000	
	GE1A-C30HAD24	3m-30h	24V DC			470.000	
TIMER ĐA CHỨC NĂNG GT3A							
	GT3A-1AF20	0.1s-180h	100-240V AC	Delay SPDT	on delay interval on cycle on cycle off	566.000	
	GT3A-2AF20		100-240V AC	Delay SPDT Intantenus SPDT		617.000	
	GT3A-2AD24		24V DC			617.000	
	GT3A-3AF20	100-240V AC	Delay DPDT	617.000			
	GT3A-3AD24	24V DC		617.000			
	GT3A-4AF20	0.1s-180h	100-240V AC	Delay DPDT		on delay, cycle off signal on delay, signal off delay	684.000
	GT3A-4AD24		24V DC		684.000		
	GT3A-5AF20		100-240V AC		interval on, one shot cycle signal on delay, signal off delay		684.000
	GT3A-5AD24		24V DC				684.000
	GT3A-6AF20		100-240V AC		one shot, one shot on delay one shot, signal on delay		684.000
GT3A-6AD24	24V DC		684.000				
TIMER ĐA CHỨC NĂNG GT3F							
	GT3F-1AF20	0.1s-600s	100-240V AC	Delay SPDT	off delay	946.000	
	GT3F-1AD24		24V AC			946.000	
	GT3F-2AF20		100-240V AC	Delay DPDT		946.000	
	GT3F-2AD24		24V AC			946.000	
TIMER ĐA CHỨC NĂNG LOẠI SAO - TAM GIÁC							
	GT3S-1AF20	Y: 0.05-100s Y-Δ: 0.05s 0.1s 0.25s 0.5s	100-240V AC	Delayed Δ: SPST-NO Y: SPST-NO	Sao - tam giác	817.000	
	GT3S-2AF20		100-240V AC	Delayed Δ: SPST-NO Y: SPST-NO Instantaneous SPST-NO		852.000	

TIMER	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)	
		DÀI THỜI GIAN	NGUỒN CẤP	TIẾP ĐIỂM	Kiểu ĐIỀU KHIỂN		
TIMER ĐA CHỨC NĂNG LOẠI TIMER ĐÔI							
	GT3W-A11AF20N	T1: 0.1s-6h	100-240V AC	Delay SPDT + Delay SPDT	Serial Activation	1.707.000	
	GT3W-A11AD24N	T2: 0.1s-6h	24V AC/DC		Coarse/Fine Adjust-ment	1.707.000	
	GT3W-A13AF20N	T1: 0.1s-6h	100-240V AC		Setting	2.823.000	
	GT3W-A13AD24N	T2: 0.1s-300h	24V AC/DC		Instantaneous	2.823.000	
	GT3W-A31AF20N	T1: 0.1s-300h	100-240V AC		Cycle, Serial Interval On	2.823.000	
	GT3W-A31AD24N	T2: 0.1s-6h	24V AC/DC		Cycle Inversion	2.823.000	
	GT3W-A33AF20N	T1: 0.1s-300h	100-240V AC		Interval ON	1.707.000	
	GT3W-A33AD24N	T2: 0.1s-300h	24V AC/DC		Interval On Delay	1.707.000	
TIMER KÍCH THƯỚC NHỎ - LOẠI CHÂN DẸP GT5Y							
	GT5Y-2SN1A200	1s/10s/1m/10m	200-240V AC	DPDT	On delay	496.000	
	GT5Y-2SN3A200	3s/30s/3m/30m				496.000	
	GT5Y-2SN6A200	6s/60s/6m/60m				496.000	
	GT5Y-2SN1D24	1s/10s/1m/10m				24V DC	496.000
	GT5Y-2SN3D24	3s/30s/3m/30m					496.000
	GT5Y-2SN6D24	6s/60s/6m/60m					496.000
	GT5Y-4SN1A200	1s/10s/1m/10m	200-240V AC	4PDT		510.000	
	GT5Y-4SN3A200	3s/30s/3m/30m				510.000	
	GT5Y-4SN6A200	6s/60s/6m/60m				510.000	
	GT5Y-4SN1D24	1s/10s/1m/10m				24V DC	510.000
	GT5Y-4SN3D24	3s/30s/3m/30m					510.000
	GT5Y-4SN6D24	6s/60s/6m/60m					510.000
TIMER KÍCH THƯỚC NHỎ - LOẠI CHÂN TRÒN GT5P							
	GT5P-N3SA100	3s	100-120V AC	SPDT	On delay	376.000	
	GT5P-N10SA200	10s	200-240V AC			376.000	
	GT5P-N30SA200	30s				376.000	
	GT5P-N60SA200	60s				376.000	
	GT5P-N3MA200	3m				376.000	
	GT5P-N6MA200	6m				376.000	
	GT5P-N10MA200	10m				24V DC	376.000
	GT5P-N1SAD24	1s	376.000				
	GT5P-N6SAD24	6s	376.000				
	GT5P-N10SAD24	10s	376.000				
	GT5P-N60SAD24	60s	376.000				
	GT5P-N6MAD24	6m	376.000				
	GT5P-N10MAD24	10m	200-240V AC			376.000	
	GT5P-F3SA200	3s				376.000	
	GT5P-F10SA200	10s				376.000	
	GT5P-F3SAD24	3s				24V DC	376.000
GT5P-F10SAD24	10s	376.000					

		MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
ĐẾ RELAY						
 SY4S-05D SJ2S-05B	SJ1S-05B	Đế cho RJ1S				42.000
	SJ2S-05B	Đế cho RJ2S				48.000
	SM2S-05D	Đế cho RM2S & RU2S				34.000
	SY4S-05D	Đế cho RY4S & RU4S				37.000
	SR2P-06A	Đế cho RR2P				40.000
	SR3P-05A	Đế cho RR3P				63.000
	SH2B-05A	Đế cho RH2B				51.000
	SH4B-05A	Đế cho RH4B				88.000
ĐẾ TIMER						
 SR2P-06A SR3P-06A	SR2P-06A	Loại 8 chân tròn (dùng cho GE1A, GT3A-1, 2, 3; GT3F; GT3S; GT3W; GT5P)				40.000
	SR3P-05A	Loại 11 chân tròn (dùng cho GT3A-4, 5, 6)				63.000
	SM2S-05D	Loại 8 chân dẹp (dùng cho GT5Y-2)				34.000
	SY4S-05D	Loại 14 chân dẹp (dùng cho GT5Y-4)				37.000
TERMINAL		MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
			ĐIỆN ÁP, NGUỒN ĐIỆN			
LOẠI BA						
	BA111T	Tiêu chuẩn UL/CSA: 300V/15A, cỡ dây 22-12 AWG Tiêu chuẩn JIS: 600V/16A, cỡ dây 2mm ²				18.000
	BA211T	Tiêu chuẩn UL/CSA: 300V/20A, cỡ dây 22-12 AWG Tiêu chuẩn JIS: 600V/21A, cỡ dây 3.5mm ²				20.000
	BA311T	Tiêu chuẩn UL/CSA: 150V/30A, cỡ dây 18-10 AWG Tiêu chuẩn JIS: 600V/40A, cỡ dây 5.5mm ²				32.000
	BA411S	Tiêu chuẩn UL/CSA: 600V/40A, cỡ dây 16-6AWG Tiêu chuẩn JIS: 600V/70A, cỡ dây 14mm ²				30.000
	BA611S	Tiêu chuẩn UL/CSA & JIS: 600V/94A, cỡ dây 22mm ²				40.000
	BA711S	Tiêu chuẩn UL/CSA & JIS: 600V/132A, cỡ dây 38mm ²				91.000
	BA811S	Tiêu chuẩn UL/CSA & JIS: 600V/240A, cỡ dây 100mm ²				127.000
	BA911S	Tiêu chuẩn UL/CSA & JIS: 600V/370A, cỡ dây 325mm ²				253.000
NẮP CHE TERMINAL						
	BNC220	Dùng cho BA111T, BA211T				167.000
	BNC230	Dùng cho BA311T				167.000
	BNC320	Dùng cho BA411S				208.000
	BNC520	Dùng cho BA611S, 711S				264.000
BỘ NGUỒN		MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
			ĐIỆN ÁP VÀO	ĐIỆN ÁP RA	DÒNG ĐIỆN RA	
	PS5R-SB05	85 to 264V AC 100 to 370V DC		5V	2A	1.127.000
	PS5R-SB12			12V	1.2A	1.054.000
	PS5R-SB24			24V	0.65A	1.054.000
	PS5R-SC12			12V	2.5A	1.236.000
	PS5R-SC24			24V	1.3A	1.236.000
	PS5R-SD24			24V	2.5A	1.672.000
	PS5R-SE24			24V	3.75A	2.327.000
	PS5R-SF24	85 to 264V AC 100 to 350V DC	24V	5A	3.199.000	
	PS5R-SG24	24V	10A	4.362.000		



HƯỚNG DẪN CHỌN MÃ HÀNG (*)

SLC30N - 0405 - DD2FB -

30: Ø30
40: Ø40

Viên
Đen

Dòng / Cột		Mô tả	Mã	Cấp điện áp	Kích thước	Màu đèn	
Số dòng	Số cột						
01	01	ĐÈN LED	Trực tiếp (A,G,R,W,Y)	6 : 6V AC/DC	Cỡ F: Ø30: 30 x 30 mm Ø40: 40 x 40 mm	A : Hồ phách G : Xanh lá cây R : Đỏ S : Xanh da trời W : Trắng Y : Vàng	
02	02			1 : 12V AC/DC			
03	03		2 : 24V AC/DC				
04	04		Trực tiếp (S)	DDA	2 : 24V AC/DC		<input type="checkbox"/>
05	05		Có biến thế (A,G,R,W,Y)	TD	1 : 100/110 VAC		Cỡ H: Ø30: 30 x 60 mm Ø40: 40 x 80 mm
06	06	2 : 200/220 VAC					
07	07	Có biến thế (S)	TDA	1 : 100/110 VAC	<input type="checkbox"/>		
08	08	2 : 200/220 VAC					
09	09	DC - DC	CD	1 : 110 VDC	Cỡ L: Ø30: 30 x 90 mm Ø40: 40 x 120 mm		
10	10	ĐÈN NEON	Trực tiếp	6 : 5-6V AC/DC		<input type="checkbox"/>	
11	11			8 : 12-18V AC/DC		<input type="checkbox"/>	
12	12			2 : 18-24V AC/DC		<input type="checkbox"/>	
13	13	3 : 24-30V AC/DC					
14	14	Có biến thế	TS/TE	1 : 100/110 VAC	Cỡ V: Ø30: 60 x 30 mm Ø40: 80 x 40 mm		
15	15	2 : 200/220 VAC					
16	16	Có điện trở	RS/RE	1 : 110 VAC/DC	<input type="checkbox"/>		
17	17				Cỡ G: Ø30: 60 x 60 mm Ø40: 80 x 80 mm		
18	18					<input type="checkbox"/>	
19	19					<input type="checkbox"/>	
20	20					<input type="checkbox"/>	
21	21				Cỡ C: Ø30: (15 x 30 mm) x 2 Ø40: (20 x 40 mm) x 2		
22	22					<input type="checkbox"/>	
23	23					<input type="checkbox"/>	
24	24					<input type="checkbox"/>	
25	25					<input type="checkbox"/>	
26	26				<input type="checkbox"/>		

* Chú ý: - DS/TS/RS là mã của loại Ø30
- DE/TE/RE là mã của loại Ø40

VÍ DỤ: SLC30N-0405-DD2FB-W5, R5, G10 (Đèn hiển thị Ø 30, 4 hàng 5 cột, đèn Led 24V, 5 ô trắng, 5 ô đỏ, 10 ô xanh)

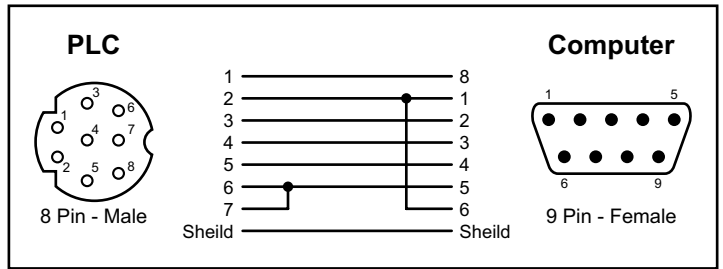
(*) Liên hệ Đại lý gần nhất để được tư vấn kỹ hơn

SỐ CỬA SỐ	DD (LED Trực tiếp) ĐƠN GIÁ (VNĐ)	TD (LED Có biến thế) ĐƠN GIÁ (VNĐ)	DS (NEON Trực tiếp) ĐƠN GIÁ (VNĐ)	TS (NEON Có biến thế) ĐƠN GIÁ (VNĐ)
SLC30 - LOẠI ĐÈN LED				
1	810.000	998.000	311.000	514.000
2	1.778.000	2.152.000	502.000	846.000
3	2.588.000	3.150.000	675.000	1.191.000
4	3.347.000	4.096.000	795.000	1.485.000
5	4.157.000	5.094.000	968.000	1.829.000
6	4.967.000	6.091.000	1.140.000	2.174.000
7	5.777.000	7.088.000	1.312.000	2.518.000
8	6.587.000	8.087.000	1.485.000	2.863.000
9	7.397.000	9.084.000	1.656.000	3.208.000
10	8.207.000	10.081.000	1.829.000	3.552.000
11	9.018.000	11.079.000	2.002.000	3.897.000
12	9.828.000	12.077.000	2.174.000	4.241.000
13	10.638.000	13.074.000	2.346.000	4.586.000
14	11.448.000	14.072.000	2.518.000	4.931.000
15	12.258.000	15.069.000	2.691.000	5.275.000
16	13.068.000	16.066.000	2.863.000	5.620.000
17	13.878.000	17.064.000	3.035.000	5.964.000
18	14.688.000	18.062.000	3.208.000	6.309.000
19	15.498.000	19.059.000	3.380.000	6.654.000
20	16.308.000	20.057.000	3.552.000	6.998.000
> 20	(*)	(*)	(*)	(*)
SỐ CỬA SỐ	DD (LED Trực tiếp) ĐƠN GIÁ (VNĐ)	TD (LED Có biến thế) ĐƠN GIÁ (VNĐ)	DE (NEON Trực tiếp) ĐƠN GIÁ (VNĐ)	TE (NEON Có biến thế) ĐƠN GIÁ (VNĐ)
SLC40 - LOẠI ĐÈN LED				
1	1.028.000	1.279.000	375.000	577.000
2	2.213.000	2.714.000	563.000	937.000
3	3.240.000	3.993.000	765.000	1.327.000
4	4.217.000	5.220.000	916.000	1.665.000
5	5.245.000	6.499.000	1.119.000	2.056.000
6	6.273.000	7.778.000	1.321.000	2.445.000
7	7.300.000	9.057.000	1.524.000	2.835.000
8	8.328.000	10.335.000	1.726.000	3.226.000
9	9.356.000	11.614.000	1.929.000	3.615.000
10	10.383.000	12.893.000	2.131.000	4.005.000
11	11.412.000	14.171.000	2.334.000	4.396.000
12	12.439.000	15.450.000	2.537.000	4.785.000
13	13.467.000	16.728.000	2.739.000	5.175.000
14	14.495.000	18.007.000	2.942.000	5.565.000
15	15.522.000	19.286.000	3.144.000	5.955.000
16	16.550.000	20.564.000	3.347.000	6.345.000
17	17.578.000	21.843.000	3.549.000	6.735.000
18	18.606.000	23.122.000	3.752.000	7.125.000
19	19.634.000	24.400.000	3.954.000	7.515.000
20	20.661.000	25.679.000	4.157.000	7.905.000
> 20	(*)	(*)	(*)	(*)

WindLDR



WindLDR Ver. 5. *



CPU	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		NGUỒN CẤP	SỐ I/O	NGÕ VÀO	NGÕ RA	
FC5A CPU, NGÕ VÀO 24V DC						
	FC5A-D16RK1	24V DC	16	8	6 relay, 2 transistor sink	9.033.000
	FC5A-D16RS1	24V DC	16	8	6 relay, 2 transistor source	9.033.000
	FC5A-D32K3	24V DC	32	16	16 transistor sink	13.250.000
	FC5A-D32S3	24V DC	32	16	16 transistor source	13.250.000
	FC5A-C10R2C	24V DC	10	6	4 relay	3.914.000
	FC5A-C10R2	100-240V AC	10	6	4 relay	3.914.000
	FC5A-C16R2C	24V DC	16	9	7 relay	5.420.000
	FC5A-C16R2	100-240V AC	16	9	7 relay	5.420.000
	FC5A-C24R2C	24V DC	24	14	10 relay	6.927.000
	FC5A-C24R2	100-240V AC	24	14	10 relay	6.927.000
FC4A CPU, NGÕ VÀO 24V DC						
	FC4A-D20RK1	24V DC	20	12	6 relay, 2 transistor sink	7.742.000
	FC4A-D20RS1	24V DC	20	12	6 relay, 2 transistor source	7.742.000
	FC4A-D20K3	24V DC	20	12	8 transistor sink	7.296.000
	FC4A-D20S3	24V DC	20	12	8 transistor source	7.296.000
	FC4A-D40K3	24V DC	40	24	16 transistor sink	13.042.000
	FC4A-D40S3	24V DC	40	24	16 transistor source	13.042.000
	FC4A-C10R2C	24V DC	10	6	4 relay	3.624.000
	FC4A-C10R2	100-240V AC	10	6	4 relay	3.624.000
	FC4A-C16R2C	24V DC	16	9	7 relay	5.119.000
	FC4A-C16R2	100-240V AC	16	9	7 relay	5.119.000
	FC4A-C24R2C	24V DC	24	14	10 relay	6.711.000
	FC4A-C24R2	100-240V AC	24	14	10 relay	6.711.000

KHỐI MỞ RỘNG	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT				ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		SỐ I/O	NGỒ VÀO	NGỒ RA	Kiểu đấu dây	
KHỐI MỞ RỘNG IN/OUT						
	FC4A-N08B1	8 (8 in)	24V DC	-	Terminal có thể tháo rời	1.832.000
	FC4A-N16B1	16 (16 in)	24V DC	-		3.027.000
	FC4A-N16B3	16 (16 in)	24V DC	-	Connector	3.099.000
	FC4A-N32B3	32 (32 in)	24V DC	-		5.753.000
	FC4A-R081	8 (8 out)	-	Relay	Terminal có thể tháo rời	2.641.000
	FC4A-T08K1	8 (8 out)	-	Transistor sink		2.497.000
	FC4A-T08S1	8 (8 out)	-	Transistor source		2.497.000
	FC4A-R161	16 (16 out)	-	Relay		3.763.000
	FC4A-T16K3	16 (16 out)	-	Transistor sink	Connector	4.202.000
	FC4A-T16S3	16 (16 out)	-	Transistor source		4.202.000
	FC4A-T32K3	32 (32 out)	-	Transistor sink		7.079.000
	FC4A-T32S3	32 (32 out)	-	Transistor source		7.079.000
	FC4A-M08BR1	8 (4 in/4 out)	24V DC	Relay	Terminal có thể tháo rời	2.569.000
	FC4A-M24BR2	24 (16 in/8 out)	24V DC	Relay		6.416.000
KHỐI BIẾN ĐỔI AD/DA						
	FC4A-L03A1	3 (2 in/1 out)	0-10V DC, 4-20 mA	0-10V DC, 4-20 mA	Terminal có thể tháo rời	8.182.000
	FC4A-L03AP1	3 (2 in/1 out)	Thermocouple, PT	0-10V DC, 4-20 mA		9.286.000
	FC4A-J2A1	2 (2 in)	0-10V DC, 4-20 mA	-		6.632.000
	FC4A-K1A1	1 (1 out)	-	0-10V DC, 4-20 mA		6.632.000
	FC4A-K2C1	2 (2 out)	-	4-20mA, -10 - +10V DC		5.721.000
KHỐI TRUYỀN THÔNG						
	FC4A-PC1	RS232C Adapter Connector			Connector	693.000
	FC4A-PC2	RS485C Adapter Connector				693.000
	FC4A-PC3	RS485C Adapter Terminal			Terminal	693.000
	FC4A-HPC1	RS232C Module (cho Slim CPU)			Connector	1.326.000
	FC4A-HPC2	RS485C Module (cho Slim CPU)				1.326.000
	FC4A-HPC3	RS485C Module (cho Slim CPU)			Terminal	1.326.000
	FC4A-PH1	HMI Module dùng để hiển thị và thay đổi lệnh trong PLC				1.110.000
	FC4A-HPH1	Để dùng để gắn HMI Module vào CPU loại Slim				887.000












WindO/I-NV2

MÀN HÌNH	MÃ HÀNG	VIÊN	KÍCH THƯỚC	LOẠI	MÀU	CỔNG GIAO TIẾP	ETHERNET	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
LOẠI HG1F								
	HG1F-SB22BF-W	Xám trắng	4.6 inch	STN	Trắng đen	RS232C (2 cổng)	-	9.871.000
	HG1F-SB22BF-B	Đen					-	9.871.000
	HG1F-SB22BF-S	Bạc					-	9.871.000
	HG1F-SB22YF-W	Xám trắng				RS232C/485/422	-	10.170.000
	HG1F-SB22YF-B	Đen					-	10.170.000
	HG1F-SB22YF-S	Bạc					-	10.170.000
LOẠI HG2G								
	HG2G-SB22TF-W	Xám trắng	5.7 inch	STN	Trắng đen	RS232 (2 cổng) + RS485 (422)	Có	11.643.000
	HG2G-SB22TF-B	Đen					Có	11.643.000
	HG2G-SB22TF-S	Bạc					Có	11.643.000
	HG2G-SB22VF-W	Xám trắng					-	8.818.000
	HG2G-SB22VF-B	Đen					-	8.818.000
	HG2G-SB22VF-S	Bạc					-	8.818.000
	HG2G-SS22TF-W	Xám trắng	5.7 inch	STN	256 màu	RS232 (2 cổng) + RS485 (422)	Có	14.054.000
	HG2G-SS22TF-B	Đen					Có	14.054.000
	HG2G-SS22TF-S	Bạc					Có	14.054.000
	HG2G-SS22VF-W	Xám trắng					-	11.232.000
	HG2G-SS22VF-B	Đen					-	11.232.000
	HG2G-SS22VF-S	Bạc					-	11.232.000
LOẠI HG3G / HG4F								
	HG3G-8JT22TF-B	Xám đen	8.4 inch	TFT	65.536 màu	RS232C/485 (422) AUDIO out (line out) USB1 [USB 2.0 Device] USB2 [USB 2.0 Host] SD [SD Memory Card]	Có	35.500.000
	HG3G-8JT22TF-W	Xám trắng					Có	35.500.000
	HG3G-AJT22TF-B	Xám đen	10.4 inch				Có	40.300.000
	HG3G-AJT22TF-W	Xám trắng					Có	40.300.000
	HG4F-JT22TF-B	Đen	12.1 inch	TFT	256 màu	RS232C/485 (422)	Có	81.186.000
	HG4F-JT22TF-W	Xám trắng					Có	81.186.000
	HG4F-JT22VF-B	Đen				RS232C/485 (422)	-	76.950.000
	HG4F-JT22VF-W	Xám trắng					-	76.950.000

TERMINAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		ĐIỆN ÁP	DÒNG ĐIỆN	CỖ DÂY	
SCREW CLAMP TERMINAL BLOCKS					
	CDU 2.5	600V	24A	2.5mm ²	8.000
	CDU 4		35A	4mm ²	9.000
	CDU 6		50A	6mm ²	13.000
	CDU 10		65A	10mm ²	20.000
	CDU 16		78A	16mm ²	26.000
	CDU 35		114A	35mm ²	49.000
	CDU 50		150A	50mm ²	137.000
	CDU 95		230A	95mm ²	193.000
SCREW GROUND TERMINAL BLOCKS					
	CPE 2.5	600V	–	2.5mm ²	28.000
	CPE 4		–	4mm ²	29.000
	CPE 6		–	6mm ²	33.000
	CPE 10		–	10mm ²	40.000
	CPE 16	600V	–	16mm ²	53.000
	CPE 35		–	35mm ²	90.000
	CPE 50		–	50mm ²	327.000
	CPE 95		–	95mm ²	330.000
SCREW DOUBLE LEVEL TERMINAL BLOCKS					
	CDK 2.5	600V	20A	2.5mm ²	22.000
	CDK 4		30A	4mm ²	24.000
	CDK 6		50A	6mm ²	56.000
	CDK 10		65A	10mm ²	67.000

TERMINAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		ĐIỆN ÁP	DÒNG ĐIỆN	CỖ DÂY	
SCREW DISCONNECT TERMINAL BLOCKS					
	CTR 2.5	600V	12A	2.5mm ²	29.000
	CTR 4		12A	4mm ²	36.000
	CTR 6		24A	6mm ²	59.000
SCREW DISCONNECT TERMINAL BLOCKS					
	CTR 2.5D	600V	2A	2.5mm ²	32.000
	CTR 4D		2A	4mm ²	34.000
	CTR 6D		3A	6mm ²	39.000
	CTR 4SI	600V	10A	4mm ²	57.000
	CTR 6SI		20A	6mm ²	58.000
PHỤ KIỆN TERMINAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT			ĐƠN GIÁ (VNĐ)
END PLATE					
	CEP 1	Dùng cho CDU 2.5, CDU 4, CDU 6, CDU10, CTR 2.5, CTR2.5D, CTR 4, CTR 4D, CTR 4SI			3.500
	CEP 2	Dùng cho CDU 16, CDU 35			6.000
	CEP 3	Dùng cho CDK 2.5, CDK 4			8.000
	CEP 4	Dùng cho CTR 6, CTR 6D, CTR 6SI CTR 10, CTR 10D, CTR 10SI			8.000
	CEP 5	Dùng cho CDU 2.5, CDU 4, CDU 6, CDU10, CTR 2.5, CTR 4			3.500

PHỤ KIỆN TERMINAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		DÙNG CHO LOẠI TERMINAL	
END BRACKET			
	CEW 35/2	Dùng cho CDU 2.5, CDU 4, CDU 6, CDU 10, CTR 2.5, CTR 2.5D, CTR 4, CTR 4D, CTR 4SI, CTR 6, CTR 6D, CTR 6SI, CTR 10, CTR 10D, CTR 10SI, CDK 2.5, CDK 4, CDK 6, CDK 10, CPE 2.5, CPE 4, CPE 6, CPE 10, CPE 16, CPE 35, CPE 50, CPE 95	12.000
	CEW 35/1	Dùng cho CDU 16, CDU 35, CDU 50, CDU 95	38.000
WARNING COVER			
	WS-2.5	Dùng cho CDU 2.5, CDU 2.5SL	4.500
	WS-4	Dùng cho CDU 4, CDU 4SL	6.000
	WS-6	Dùng cho CDU 6, CDU 6SL	7.000
	WS-10	Dùng cho CDU 10, CDU 10SL	7.000
	WS-16	Dùng cho CDU 16	11.000
	WS-35	Dùng cho CDU 35	12.000
	WSS-2.5	Dùng cho CDK 2.5	6.000
	WSS-4	Dùng cho CDK 4	8.000
	WSS-6	Dùng cho CDK 6	9.000
	WSS-10	Dùng cho CDK 10	10.000
DIODE PLUG			
	CSD 2.5	Dùng cho diode: 2A/600V. Dùng cho CTR 2.5, CTR 2.5D	14.000
	CSD 4	Dùng cho diode: 2A/600V. Dùng cho CTR 4, CTR 4D, CTR 4SI	17.000
	CSD 6	Dùng cho diode: 3A/600V. Dùng cho CTR 6, CTR 6D, CTR 6SI	19.000
LED FUSE TYPE INSERT			
	CSI 4	Dùng cho led: 2A/400V. Dùng cho CTR 4, CTR 4D, CTR 4SI	39.000
	CSI 6	Dùng cho led: 2A/400V. Dùng cho CTR 6, CTR 6D, CTR 6SI	40.000

PHỤ KIỆN TERMINAL	MÃ HÀNG	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
		DÙNG CHO LOẠI TERMINAL	
CROSS JUMPER			
	CQV-2.5	Dùng cho CDU 2.5, CDK 2.5	22.000
	CQV-4	Dùng cho CDU 4, CDK 4	24.000
	CQV-6	Dùng cho CDU 6, CDK 6	29.000
	CQV-10	Dùng cho CDU 10, CDK 10	29.000
	CQV-16	Dùng cho CDU 16	33.000
	CQV-35	Dùng cho CDU 35	39.000
MARKING TAGS			
	W5Z	Kích thước: 5x6 mm (WxH)	6.000
	W5K	Kích thước: 5x6 mm (WxH)	6.000
	W6Z	Kích thước: 5x6 mm (WxH)	6.000
	W6K	Kích thước: 5x6 mm (WxH)	6.000
	W7Z	Kích thước: 5x12 mm (WxH)	7.000
	W7K	Kích thước: 5x12 mm (WxH)	7.000
	W8Z	Kích thước: 5x6 mm (WxH)	7.000
	W8K	Kích thước: 5x6 mm (WxH)	7.000
PROTECTION COVER			
	DP1	CDU 2.5, CDU 4, CDU 6, CDU 10, CDU 16, CDU 35, CPE 2.5, CPE 4, CPE 6, CPU 10, CPE 16, CPE 35, CTR 2.5, CTR 2.5D, CTR 4, CTR 4D, CTR 6, CTR 6D, CTR 10, CTR 10D, CDK 2.5, CDK 4	244.000

MÁY IN ĐẦU COD	MÃ HÀNG	DIỄN GIẢI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
MÁY IN ĐẦU COD-TAPE MAX				
	LM-380A	Tiện lợi trong việc lắp tủ điện Màn hình LCD hiển thị 64X132 pixels Tốc độ in 25 mm/s Cỡ chữ: 2, 3, 4, 6mm (cao) Tự động cắt nũa / Cắt toàn bộ bằng tay Nguồn cấp: 12V DC, 1.3A (có sẵn adapter 220V AC) Có hộp đựng rất tiện lợi Có sẵn hộp mực và dải băng mực	Cái	21.704.000
ỐNG COD TRẮNG				
	LM-TU432L TUBE 200M	Loại Φ 3.2mm, 200 m/Cuộn	Cuộn	1.492.000
	LM-TU436L TUBE 200M	Loại Φ 3.6mm, 200 m/Cuộn	Cuộn	1.492.000
	LM-TU442L TUBE 200M	Loại Φ 4.2mm, 200 m/Cuộn	Cuộn	1.492.000
	LM-TU452L TUBE 200M	Loại Φ 5.2mm, 135 m/Cuộn	Cuộn	1.492.000
BĂNG DÁN (8M/CUỘN)				
	LM-TP309W-TAPE	Màu trắng, 9mm (rộng) x 8m (dài)	Cuộn	241.000
	LM-TP312W-TAPE	Màu trắng, 12mm (rộng) x 8m (dài)	Cuộn	261.000
	LM-TP309Y-TAPE	Màu vàng, 9mm (rộng) x 8m (dài)	Cuộn	241.000
	LM-TP312Y-TAPE	Màu vàng, 12mm (rộng) x 8m (dài)	Cuộn	261.000
HỘP NHỰA ĐỰNG BĂNG MỰC				
	LM-RC310	Hộp nhựa đựng băng mực (10 cái/1 hộp) LM-RC310 RIB CASE	Cái	198.000
DẢI BĂNG MỰC				
	LM-IR300B	Dải băng mực (50 m/cuộn) LM-IR300B Ink Ribbon)	Cuộn	270.000



TRỤ SỞ CHÍNH : IDEC CORPORATION, JAPAN
VP KV ĐÔNG NAM Á : IDEC IZUMI ASIA PTE LTD, SINGAPORE
Website: www.idec.com

ĐẠI LÝ: